TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG MÃ** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HS - ST
Ngày 14 - 11 - 2023

NHÂN DT
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Nhung.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Văn Vịnh.

2. Ông Quàng Văn Biên.

- Thư ký phiên toà: Bà Lý Thị Thùy Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Ông Quàng Văn Cuộc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2023/HSST ngày 23 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST - HS ngày 31 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần ThT T** – Sinh năm 1987; Nơi cư trú: Bản A, xã B, huyện S, tỉnh Sơn La; Nơi ở hiện nay: Bản H, xã M, huyện S, Sơn La; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông Trần Văn D1 và bà Trần Thị L1; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, giam từ 13/6/2023 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Đèo Văn D** – Sinh năm 1991; Nơi cư trú: Bản K, xã M, huyện S, Sơn La; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông Đèo Văn H1 và con bà Lò Thị S1; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, giam từ 13/6/2023 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Lò Văn X** – Sinh năm 1966; Nơi cư trú: Bản K, xã M, huyện S, Sơn La; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 6/10; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Chức vụ đoàn thể,

đảng phái: Không; Con ông Lò Văn Q (đã chết) và con bà Lèo Thị T1 (đã chết); Bị cáo có vợ là Tòng Thị C1 và 02 con (con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1995);

Tiền án: Ngày 24/8/2020 bị Tòa án nhân dân huyện S xử phạt 26 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy tại bản án số 73/2020/HS-ST. Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 13/9/2002 bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt 05 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy tại bản án số 174/HSST.

Bị cáo bị tạm giữ, giam từ 13/6/2023 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị L1, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Bản T1, xã B, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bà Tòng Thị C1, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Bản K, xã M, huyện S, Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ 00 phút ngày 13/6/2023 tổ công tác Công an xã H làm nhiệm vụ tại khu vực bản K, xã H, S phát hiện tại lán nương của Đèo Văn D có Trần ThT T, Đèo Văn D, Lò Văn X có biểu hiện tụ tập sử dụng ma túy, cả ba đã thừa nhận có hành vi cùng nhau sử dụng ma túy, số ma túy sử dụng là do T bỏ ra. Tổ công tác thu giữ tại túi áo trước ngực đang mặc của Lò Văn X 01 gói giấy bạc màu vàng bên trong chứa 01 viên nén màu hồng nghi là Hồng phiến, thu giữ trong túi quần bên phải đang mặc của Trần ThT T 01 gói nilon màu xT bên trong chứa 46 viên nén màu hồng nghi là Hồng phiến, X và T khai nhận số viên nén là viên Hồng phiến cất giấu để sử dụng, trên sàn của lán nương tổ công tác phát hiện thu giữ 02 chiếc tẩu tự chế bằng chai nhựa cùng 01 chiếc bật lửa gas màu đỏ, cả ba người khai nhận 02 chiếc tẩu và bật lửa là của D đưa ra để mọi người cùng sử dụng ma túy, tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với X, D, T, thu giữ vật chứng nghi ma túy và các công cụ các đối tượng dùng để sử dụng ma túy. Ngoài ra, còn tạm giữ 03 điện thoại di động, 01 xe mô tô có BKS 26B1-314.24, 01 xe mô tô có BKS 26C1-067.69, 01 mũ bảo hiểm, 01 xe mô tô có BKS 26B1-032.58.

Ngày 14/6/2023, tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Sông Mã đã tiến hành mở niêm phong, cân tịnh xác định khối lượng vật chứng và trích mẫu giám định đối với số vật chứng nghi ma túy thu giữ, kết quả:

- 46 viên nén màu hồng thu giữ của Trần ThT T có tổng khối lượng 4,14 gam, đã sử dụng 02 viên có tổng khối lượng 0,18 gam làm mẫu giám định ký hiệu A1, vật chứng còn lại 44 viên có tổng khối lượng 3,96 gam ký hiệu L1.

- 01 viên nén màu hồng thu giữ của X có tổng khối lượng 0,102 gam, đã sử dụng hết làm mẫu giám định ký hiệu A2.

Kết luận giám định số 1507/KL-KTHS ngày 15/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận:

+ Mẫu ký hiệu A1, A2 gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là A1=0,18 gam, A2=0,102 gam.

+ Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 4,242 gam loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận: Khoảng 17 giờ ngày 12/6/2023 Trần ThT T mang theo số tiền 2.500.000đ điều khiển xe mô tô BKS 26C1-067.69 từ nhà ở bản H đến khu vực nương thuộc bản K, xã H, S để tìm mua ma túy sử dụng, đến nơi T gặp một người đàn ông dân tộc Thái tên K2 không rõ địa chỉ, T hỏi mua được 50 viên hồng phiến từ K2 với số tiền 2.500.000đ, mua bán xong thì T cất gói ma túy vào trong túi quần bên phải đang mặc rồi điều khiển xe mô tô đi đến lán nương của Đèo Văn D và ở lại đó ăn cơm tối. Sau khi ăn cơm xong T bỏ ra 02 viên Hồng phiến từ gói Hồng phiến mua được để sử dụng, khi thấy T bỏ ra 02 viên Hồng phiến thì D lấy ở lán ra 01 chiếc tẩu tự chế bằng chai nhựa và 01 chiếc bật lửa để cùng sử dụng ma túy, T và D mỗi người sử dụng hết 01 viên Hồng phiến bằng hình thức hút qua tẩu tự chế. Sau khi sử dụng ma túy xong, T cất giấu gói ma túy còn lại vào trong mũ bảo hiểm và để chiếc mũ treo ở xe mô tô ngoài lán nương và ngủ lại tại đây. Đến khoảng 09 giờ ngày 13/6/2023 có Lò Văn X đi xe mô tô BKS 26B1-302.58 đến lán nương của mình để xem vườn, sau đó X đi bộ sang lán nương của D gần đó thì thấy D và T đang ở trong lán nương, lúc này T bảo X ra lấy gói viên Hồng phiến mà T đang cất giấu trong mũ bảo hiểm treo trên xe mô tô của T ngoài lán nương để đem vào cùng sử dụng, X ra cầm chiếc mũ bảo hiểm tìm gói ma túy trong mũ và rung lắc chiếc mũ nhưng không thấy gói ma túy đâu, lúc này X quan sát thấy có 01 viên Hồng phiến trên mặt đất nên nhặt và dùng mảnh giấy bạc gói viên Hồng phiến này lại và cất giấu trong túi áo trước ngực đang mặc để sử dụng riêng và không nói cho ai biết, X quay vào lán nói với T là không tìm thấy gói Hồng phiến nào ở trong mũ bảo hiểm, T lại bảo X ra ngoài lán đem chiếc mũ bảo hiểm vào trong lán cho T, X ra ngoài cầm mũ bảo hiểm đưa cho T rồi quay ra chỗ góc lán nương ngồi nói chuyện cùng D. Sau khi nhận mũ bảo hiểm từ X thì T móc lấy gói ma túy đã cất trong khe hở tiếp giáp giữa miếng xốp trong mũ và vỏ mũ ra, sau đó T bỏ 02 viên Hồng phiến gói viên Hồng phiến để sử dụng, số viên Hồng phiến còn lại T gói cất giấu trong túi quần đang mặc, quá trình T bỏ gói ma túy từ trong mũ bảo hiểm ra và bỏ 02 viên Hồng phiến từ gói ma túy ra thì D và X không được nhìn thấy do hai người đang nói chuyện ở một góc của lán nương,

cả hai người đều không nhìn thấy gói ma túy T đang cất giấu. Sau khi thấy T đưa ra 02 viên Hồng phiến thì D lấy ống tre và lọ nhựa tại lán chế thêm 01 chiếc tẩu tự chế để sử dụng ma túy, tiếp đó T một mình sử dụng hết 01 viên Hồng phiến, D và X sử dụng chung nhau hết 01 viên Hồng phiến. Sau khi vừa sử dụng ma túy xong thì bị tổ công tác Công an xã H đến kiểm tra phát hiện bắt quả tang.

Do có hành vi nêu trên tại bản Cáo trạng số 201/CT-VKSSM ngày 23 tháng 10 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Sông Mã để xét xử Trần ThT T tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; xét xử Đèo Văn D về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; xét xử Lò Văn X về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần ThT T phạm các tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trần ThT T từ 02 năm 09 tháng - 03 năm 03 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, từ 07 năm - 08 năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành chung là từ 09 năm 09 tháng - 11 năm 03 tháng tù.

- Tuyên bố bị cáo Đèo Văn D phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đèo Văn D từ 07 năm - 08 năm tù.

- Tuyên bố bị cáo Lò Văn X phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lò Văn X từ 01 năm 08 tháng - 02 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau khi trừ đi mẫu gửi giám định, 01 mảnh giấy bạc, 01 mảnh nilon, 01 phong bì thư niêm phong vật chứng ban đầu, 01 mũ bảo hiểm, 01 bật lửa ga, 02 tẩu tự chế. Trả lại xe mô tô, điện thoại di động cho bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lò Văn X, Đèo Văn D, buộc bị cáo T phải chịu án phí; tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Ý kiến tại phiên tòa của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị L1 trình bày: bà là mẹ đẻ của bị cáo Trần ThT T, chiếc xe mô tô bị thu giữ trong vụ án là tài sản mang tên chồng bà là ông Trần Văn Dinh đã chết để lại, khi bị cáo sử dụng xe vào việc đi mua ma túy bà không biết, bà đề nghị HĐXX xem xét trả lại xe cho bà, bà không có ý kiến gì khác nữa.

- Bà Tòng Thị C1 trình bày: bà là vợ của bị cáo Lò Văn X, chiếc xe mô tô bị thu giữ trong vụ án là tài sản chung của gia đình, chiếc xe mang tên bị cáo Lò Văn X, bà được biết chiếc xe không được sử dụng vào việc phạm tội, bà đề nghị được trả lại xe, bà không có ý kiến gì khác nữa.

Tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nhất trí với nội dung bản cáo trạng truy tố, lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát và ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bị cáo T đề nghị được trả lại cho mẹ của bị cáo 01 chiếc xe và trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động cho bị cáo, bị cáo X đề nghị trả lại chiếc xe mô tô cho vợ là bà Tòng Thị C1 và 01 điện thoại di động đã thu giữ của bị cáo, bị cáo D đề nghị được trả lại 01 điện thoại di động cho bị cáo; khi được nói lời sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ, bị cáo D, X đề nghị được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, trT luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Sông Mã, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về các chứng cứ xác định tội dT: Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập vào hồi 10 giờ 10 phút, ngày 13/6/2023 đối với Trần ThT T, Đèo Văn D, Lò Văn X cùng vật chứng thu giữ là 01 viên nén màu hồng tại túi áo ngực của Lò Văn X, 46 viên nén màu hồng tại túi quần của Trần ThT T; Kết luận giám định số 1507/KL-KTHS ngày 15/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận là ma túy, loại Methamphetamine: 46 viên hồng phiến thu giữ của Trần ThT T có tổng

khối lượng là 4,14 gam, 01 viên hồng phiến thu giữ của Lò Văn X có khối lượng là 0,102 gam.

- Lời khai nhận tội của các bị cáo về thời gian địa điểm, diễn biến của hành vi phạm tội tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với nhau và phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo không có thay đổi, bổ sung gì về lời khai làm thay đổi nội dung vụ án và khẳng định việc khai báo là hoàn toàn tự nguyện, đúng với sự việc đã thực hiện.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 12/6/2023 tại lán nương của Đèo Văn D bị cáo Trần ThT T đã bỏ ra 02 viên hồng phiến, D đã lấy tẩu và bật lửa ra cùng T sử dụng hết 02 viên hồng phiến; đến ngày 13/6/2023 khi T tiếp tục bỏ ra 02 viên hồng phiến thì D tiếp tục lấy ra 2 tẩu tự chế và cùng X, T sử dụng hồng phiến ngay tại lán nương của mình. Khi vừa sử dụng xong thì bị tổ công tác công an xã H làm nhiệm vụ phát hiện và đồng thời bắt quả tang Lò Văn X có hành vi tàng trữ 01 viên hồng phiến có khối lượng là 0,102 gam, T có hành vi tàng trữ 46 viên hồng phiến có tổng khối lượng là 4,14 gam.

Hành vi của bị cáo Trần ThT T đã phạm các tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và các điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự, có các mức hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù và từ 07 năm đến 15 năm tù, thuộc trường hợp nghiêm trọng và rất nghiêm trọng; Hành vi của bị cáo Đèo Văn D đã phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, được quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt từ 07 năm đến 15 năm tù, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng; Hành vi của bị cáo Lò Văn X đã phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù thuộc trường hợp nghiêm trọng.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã truy tố các bị cáo Trần ThT T về các tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo điểm c khoản 1 Điều 249 và các điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; truy tố Đèo Văn D về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo các điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố Lò Văn X về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng quy định.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Tại phiên toà và tại cơ quan điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trần ThT T sau khi bị bắt đã khai ra lần phạm tội trước đó và có ông nội là người có công với cách mạng nên được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Trần ThT T, Đèo Văn D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Bị cáo Lò Văn X có 01 tiền án chưa được xóa án tích lại phạm tội mới là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và có bố đẻ là người có công với cách mạng được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Là vụ án có đồng phạm; trong đó bị cáo T và bị cáo D là đồng phạm với nhau trong tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy: bị cáo T có hành vi cung cấp ma túy, bị cáo D có hành vi cung cấp địa điểm, dụng cụ để sử dụng ma túy, xác định vai trò của hai bị cáo là ngang nhau. Bị cáo T và bị cáo X phạm tội độc lập và không là đồng phạm với nhau về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Vì vậy, đối với mỗi bị cáo cần phải đưa ra một mức án phù hợp với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội trên cơ sở cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm về nhân thân, vai trò để đưa ra một mức án phù hợp nhất, nhằm giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và cũng đảm bảo biện pháp răn đe, phòng ngừa chung, góp phần thực hiện nhiệm vụ đấu trT phòng chống tệ nạn ma tuý tại địa phương.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Trần ThT T, Lò Văn X, Đèo Văn D không có tài sản riêng gì có giá trị nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án:

Số ma túy còn lại sau khi trừ đi mẫu gửi giám định là vật Nhà Nước cấm tàng trữ lưu hành cùng 01 mảnh nilon, 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu, 01 mảnh giấy bạc, 01 mũ bảo hiểm, 01 bật lửa ga, 02 tẩu tự chế là những vật không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với các xe mô tô và điện thoại di động không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho chủ sở hữu.

[7] Các vấn đề khác có liên quan trong vụ án:

Về người đàn ông dân tộc Thái bị cáo T khai là người bán ma túy, bị cáo không biết họ, tên, tuổi và địa chỉ của người này, nên cơ quan CSĐT Công an huyện Sông Mã không có căn cứ để mở rộng điều tra là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo Đèo Văn D, Lò Văn X là người đồng bào dân tộc thiểu số sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đề nghị được miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định; Bị cáo Trần ThT T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định chung.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng, tội dT và hình phạt:

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Trần ThT T phạm các tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Trần ThT T 02 năm 09 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, 07 năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành chung là 09 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/6/2023.

- Căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Đèo Văn D phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Đèo Văn D 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/6/2023.

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Lò Văn X phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Lò Văn X 01 năm 10 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/6/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 3,96 gam Methamphetamine được đựng trong 01 túi nilon màu trắng cùng 01 mảnh nilon màu xT, 01 phong bì niêm phong vật chứng ban đầu đã bóc mở, 01 mảnh giấy bạc. Tất cả được đựng trong 01 phong bì đã dán kín, niêm phong đúng quy định, mặt sau phong bì trên giấy niêm phong có mã số 064615.

+ 01 bật lửa ga, 02 tẩu tự chế, 01 mũ bảo hiểm.

- Trả lại cho bà Trần Thị L1: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, có BKS 26C1-067.69.

- Trả lại cho bà Lò Thị C1: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, có BKS 26B1-302.58.

- Trả lại cho bị cáo Trần ThT T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xT.

- Trả lại cho bị cáo Đèo Văn D: 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, có BKS 26B1-314.24.

- Trả lại cho bị cáo Lò Văn X: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG.

Theo Quyết định chuyển vật chứng số 192/QĐ – VKS ngày 23/10/2023 của VKSND huyện Sông Mã và theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/11/2023 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Mã.

3. Về án phí:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đèo Văn D, Lò Văn X.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Các Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Trần ThT T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/11/2023)./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND huyện
- Công an huyện;
- Trại giam;
- THA hình sự ;
- CCTHA Dân sự;
- Sở TP;
- Bị cáo;
- Người có QL, NVLQ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Nhung